

Nghiên cứu gốc

KIẾN THỨC VỀ DINH DƯỠNG Ở PHỤ NỮ TỪ 18–49 TUỔI TẠI 3 HUYỆN VÙNG VEN BIỂN TỈNH NAM ĐỊNH

Phạm Đức Hồng^{1,✉}, Lê Thanh Tùng², Phan Hương Dương³

¹ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định

² Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

³ Bệnh viện Nội tiết Trung ương

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức về dinh dưỡng ở phụ nữ từ 18-49 tuổi tại 3 huyện vùng ven biển tỉnh Nam Định.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang năm 2020-2022, đối tượng nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên tại 6 xã thuộc 3 huyện ven biển tỉnh Nam Định. Phỏng vấn trực tiếp đối tượng để thu thập và đánh giá sự hiểu biết về dinh dưỡng của phụ nữ 18-49 tuổi.

Kết quả: Trong 473 đối tượng được phỏng vấn thì có 94,1% biết về thừa cân-béo phì và 54,5% biết về thiếu năng lượng trường diễn. Tỷ lệ đối tượng nhận thấy tư vấn dinh dưỡng là quan trọng và rất quan trọng lần lượt là 53,3% và 42,9%.

Kết luận: Hiểu biết của phụ nữ thuộc địa bàn nghiên cứu về thiếu năng lượng trường diễn còn thấp. Cần tăng cường truyền thông cho phụ nữ tuổi sinh đẻ tại các huyện ven biển về mức độ ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe của thiếu năng lượng trường diễn.

Từ khóa: Phụ nữ tuổi đẻ, kiến thức dinh dưỡng, thiếu năng lượng trường diễn, huyện ven biển, tỉnh Nam Định

KNOWLEDGE ON NUTRITION AMONG WOMEN AGED 18-49 YEARS IN 3 COASTAL DISTRICTS OF NAM DINH PROVINCE

ABSTRACT

Aims: To describe nutritional knowledge among women aged 18-49 years in 3 coastal districts of Nam Dinh province.

Methods: The cross-sectional study was conducted between 2020 and 2022. The participants was randomly recruited from 6 communes in 3 coastal districts of Nam Dinh Province. Direct interviews with subjects were used to collect and assess nutritional knowledge among women aged 18-49 years old.

Results: Of the 473 interviewed subjects, 94.1% knew about overweight-obesity and 54.5% knew about chronic lack of energy. The percentage of subjects who found nutritional counseling to be important and very important was 53.3% and 42.9%, respectively.

Conclusion: The knowledge of women in the study area about chronic energy deficiency is still low. It is necessary to strengthen communication among women of childbearing age in coastal districts about the adverse health effects of chronic energy deficiency.

Keywords: women of child bearing age, nutritional knowledge, chronic energy deficiency, coastal districts, Nam Dinh Province

✉ Tác giả liên hệ: Phạm Đức Hồng

Email: duchongttypnd@gmail.com

Doi: <https://doi.org/10.56283/1859-0381/408>

Nhận bài: 3/3/2023

Chấp nhận đăng: 28/3/2023

Công bố online: 30/4/2023

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng đóng vai trò quan trọng trong cuộc đời của người phụ nữ, đặc biệt là trong độ tuổi sinh đẻ. Do vậy, dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ trong giai đoạn này có vai trò vô cùng quan trọng trong việc dự phòng cấp 0 các vấn đề sức khỏe. Nghiên cứu của Dekker và cộng sự cho thấy tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi tăng khi chiều cao và BMI của bà mẹ giảm [1]. Nhưng hiện nay, vấn đề dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ tuổi sinh đẻ còn chưa được quan tâm thích đáng. Đa số các chương trình can thiệp mới chủ yếu tập trung vào đối tượng là phụ nữ mang thai và phụ nữ cho con bú. Còn phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nói chung và phụ nữ

trước khi mang thai thì chưa có nhiều chương trình can thiệp quan tâm tới.

Nam Định là tỉnh nằm trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ có bờ biển dài với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và chăn nuôi. Tuy điều kiện về tiếp cận thức ăn của phụ nữ tại khu vực này rất thuận lợi, kiến thức và thực hành của nhóm phụ nữ độ tuổi sinh đẻ chưa đầy đủ và không cập nhật gây khó khăn để đưa ra một chương trình can thiệp hiệu quả. Do đó, nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ về dinh dưỡng ở phụ nữ từ 18–49 tuổi tại 3 huyện vùng ven biển tỉnh Nam Định.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2022 tại 6 xã thuộc 3 huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Đối tượng nghiên cứu là phụ nữ độ tuổi từ 18 đến 49 tuổi. Tiêu chuẩn loại trừ: phụ nữ đang có thai, nuôi con bú dưới 12 tháng, bị dị

tật bẩm sinh, như bị lưng cong, gù, khuyết tứ chi, hoặc không trả lời phỏng vấn được. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu đã được trình bày trong bài báo trước đây [2]. Tổng số 473 phụ nữ 18-49 tuổi thỏa mãn tiêu chuẩn chọn và tiêu chuẩn loại trừ đã tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Tổ chức tập huấn cho các cán bộ tham gia nghiên cứu, đảm bảo thống nhất phương pháp phỏng vấn, cách điền phiếu và quản lý số liệu thu thập được.

Thành lập 3 đoàn điều tra, mỗi đoàn gồm 4 người, mỗi đoàn được chia theo khu vực, mỗi đoàn phụ trách 1 huyện. Điều tra viên đặt lịch hẹn với các đối tượng cần phỏng vấn, giới thiệu bản thân và mục đích của cuộc phỏng vấn. Phỏng vấn trực tiếp các đối tượng nghiên cứu về kiến thức, thái độ về dinh dưỡng hợp

lý theo bộ câu hỏi đã được chuẩn bị trước về nguyên nhân của thiếu năng lượng trường diễn và thừa cân-béo phì. Thái độ về mức độ ảnh hưởng của thiếu năng lượng trường diễn đối với sức khỏe phụ nữ, khả năng sinh sản, chất lượng cuộc sống và công việc, mang thai. Sau mỗi ngày điều tra, cán bộ điều tra kiểm tra lại phiếu, đảm bảo thu nhập đầy đủ các thông tin trong phiếu. Giám sát viên gặp người điều tra để thu và kiểm tra phiếu điều tra.

2.3. Phân tích số liệu

Làm sạch số liệu từ phiếu. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi Data. So sánh giữa các tỷ lệ bằng kiểm định

2.4. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng xét duyệt đề cương theo quyết định số: 403/QĐ-YTB ngày 29/3/2022 của Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Số liệu sử dụng trong luận văn đã nhận được sự chấp thuận đồng ý của chủ nhiệm đề tài và các thành viên trong nhóm nghiên cứu. Đối tượng được giải thích rõ về mục đích, nội dung thực hiện và quyền lợi của đối tượng khi tham gia nghiên cứu. Đối tượng có quyền từ chối

Chisquare test sử dụng phần mềm SPSS 16.0. Giá trị $p < 0,05$ được coi là có ý nghĩa thống kê.

không tham gia nghiên cứu và khi đồng ý tham gia nghiên cứu thì được ký giấy cam kết trước khi tham gia chương trình. Đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân về đối tượng nghiên cứu. Số liệu thu thập được từ đối tượng trong quá trình nghiên cứu được mã hoá và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phục vụ cộng đồng ngoài ra không được sử dụng cho mục đích nào khác.

III. KẾT QUẢ

Trong tổng số 473 phụ nữ tham gia nghiên cứu, có 258 đối tượng biết về thiếu năng lượng trường diễn chiếm 54,5%, trong khi đó có 445 đối tượng đã

từng nghe/biết về thừa cân béo phì chiếm 94,1%. Bảng 1 trình bày kiến thức của 258 phụ nữ về nguyên nhân gây thiếu năng lượng trường diễn.

Bảng 11. Kiến thức của đối tượng về nguyên nhân dẫn đến thiếu năng lượng trường diễn

Kiến thức	Dưới THPT (n=130)		THPT trở lên (n=128)		Chung (n=258)		p
	n	%	n	%	n	%	
Ăn không hợp lý	80	61,5	104	81,3	184	81,3	0,0005
Thiếu thức ăn	67	51,5	69	53,9	136	52,7	0,703
Thiếu kiến thức dinh dưỡng	71	54,6	65	50,8	136	52,7	0,537
Lao động cực nhọc	46	35,4	45	35,2	91	35,3	0,969
Nghèo	43	33,1	41	32,0	84	32,6	0,858

THPT, Trung học phổ thông

Theo Bảng 1, trong số 258 đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nghe/biết về thiếu năng lượng trường diễn thì tỷ lệ đối

tượng biết nguyên nhân do ăn không hợp lý là cao nhất 81,3%, trong đó ở nhóm có trình độ học vẫn dưới trung học phổ

thông là 61,5% và từ trung học phổ thông trở lên là 81,3% ($p < 0,05$). Tiếp đến là nguyên nhân do thiếu thức ăn và thiếu kiến thức dinh dưỡng là 52,7%, trong đó không có sự khác biệt giữa đối

tượng có trình độ học vấn dưới trung học phổ thông và từ THPT trở lên. Nguyên nhân do lao động cực nhọc cũng có 35,3% đối tượng lựa chọn. Thấp nhất là nguyên nhân do nghèo 32,6%.

Bảng 2. Kiến thức của đối tượng về nguyên nhân của thừa cân-béo phì theo trình độ học vấn

Kiến thức	Dưới THPT (n=130)		THPT trở lên (n=128)		Chung (n=258)		p
	n	%	n	%	n	%	
Ăn quá nhiều chất béo, đồ ngọt	200	84,4	180	87,0	380	85,6	> 0,05
Lười vận động	147	62,0	136	65,4	283	63,6	> 0,05
Thiếu kiến thức dinh dưỡng	134	56,5	110	52,9	244	54,8	> 0,05
Di truyền	17	7,2	39	18,8	56	12,6	< 0,05
Môi trường	20	8,4	31	14,9	51	11,5	< 0,05

Kết quả Bảng 2 cho thấy trong số 445 đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nghe/biết về thừa cân - béo phì thì tỷ lệ đối tượng biết nguyên nhân do ăn quá nhiều chất béo, đồ ngọt là cao nhất (85,6%), tiếp đến là do lười vận động (63,6%), thiếu kiến thức về dinh dưỡng

(54,8%), di truyền (12,6%) và môi trường (11,5%). Có sự khác biệt về nguyên nhân do di truyền và môi trường giữa 2 nhóm học vấn ($p < 0,05$). Không có sự khác biệt giữa 2 nhóm học vấn về nguyên nhân gây thừa cân-béo phì khác chiếm tỷ lệ cao.

Bảng 3. Ý kiến của đối tượng nghiên cứu về ảnh hưởng của thiếu năng lượng trường diễn tới sức khỏe phụ nữ (n=473)

Ảnh hưởng của thiếu năng lượng trường diễn	Hoàn toàn không ảnh hưởng		Ảnh hưởng ít		Bình thường		Ảnh hưởng		Rất ảnh hưởng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Sức khỏe của bản thân	7	1,5	43	9,1	48	10,2	257	54,3	118	24,9
Khả năng sinh sản	10	2,1	35	7,5	56	11,8	272	57,5	100	21,1
Chất lượng cuộc sống	5	1,1	40	8,5	51	10,9	283	59,8	94	19,9
Công việc	5	1,1	34	7,2	55	11,6	278	58,8	101	21,5
Khi mang thai	10	2,1	26	5,5	46	9,8	248	52,4	143	30,2

Kết quả Bảng 3 cho thấy trong số 473 đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được hỏi về ảnh hưởng của thiếu năng lượng trường diễn tới sức khỏe phụ nữ thì có đến hơn một nửa phụ nữ thấy thiếu năng lượng trường diễn ảnh hưởng tới sức khỏe bản thân (54,3%), khả năng sinh sản (57,5%), chất lượng cuộc sống (59,8%), công việc (58,8%), khi mang thai (52,4%). Bên cạnh đó, có những ý kiến cho rằng thiếu năng lượng trường diễn rất ảnh hưởng tới sức khỏe bản thân (24,9%), khả năng sinh sản (21,1%), chất lượng cuộc sống (19,9%), công việc (21,5%), khi mang thai (30,2%). Có tỷ lệ

nhỏ (<2,2%) đối tượng cho rằng thiếu năng lượng trường diễn hoàn toàn không ảnh hưởng đến sức khỏe bản thân (1,5%), khả năng sinh sản (2,1%), chất lượng cuộc sống (1,1%), công việc (1,1%), khi mang thai (2,1%).

Khi hỏi về quan điểm của 473 đối tượng nghiên cứu về tầm quan trọng của tư vấn dinh dưỡng. Hơn một nửa đối tượng nhận thấy tư vấn dinh dưỡng là quan trọng (53,3%), tiếp đến rất quan trọng là 42,9%, Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số nhỏ đối tượng thấy tư vấn dinh dưỡng hoàn toàn không quan trọng (1,1%), không quan trọng (0,2%).

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu đánh giá giá kiến thức, thái độ, về dinh dưỡng được tiến hành trên 473 đối tượng là phụ nữ từ 18-49 tuổi tại 3 huyện ven biển tỉnh Nam Định: Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, không có sự tương đồng giữa tỷ lệ nghe/biết về thiếu năng lượng trường diễn và tỷ lệ nghe/biết về thừa cân/béo phì của đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn nghiên cứu. Một nửa số đối tượng nghe/biết về thiếu năng lượng trường diễn là 54,5%, thì hầu hết các đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ở địa bàn nghiên cứu đã từng nghe/biết về thừa cân béo phì 94,1%. Số đối tượng được hỏi biết về các vấn đề thừa cân -béo phì chiếm tỷ lệ rất cao (94,1%) có thể giải thích do trình độ dân trí tại khu vực nghiên cứu khá cao. Nguyên nhân là do đối tượng nghiên cứu có điều kiện tiếp cận với thông tin kiến thức về sức khỏe, cũng như dinh dưỡng thông qua việc truyền thông từ rất nhiều các nguồn thông tin như: cán bộ y tế, truyền hình, mạng xã hội, sách báo. Tuy nhiên tỷ lệ đối

tượng biết về vấn đề thiếu năng lượng trường diễn còn thấp 54,5% có thể là do khái niệm này ít phổ biến hơn đối với người dân hoặc có thể họ đã nghe nói đến tuy nhiên không có ấn tượng nhiều như vấn đề thừa cân -béo phì .

Hiểu biết của phụ nữ tuổi sinh đẻ trong nghiên cứu của chúng tôi về các nguyên nhân dẫn đến một số vấn đề tình trạng dinh dưỡng có tỷ lệ cao hơn so với hiểu biết của phụ nữ về thiếu vi chất trong Tổng điều tra vi chất năm 2014-2015. Điều này cũng cho thấy điều kiện và khả năng tiếp nhận thông tin của đối tượng đối với các vấn đề là khác nhau. Vấn đề này có thể do tác động của các chương trình truyền thông về các chương trình. Có thể do vấn đề về thừa cân-béo phì được truyền thông, cũng như các chuyên gia nhắc đến nhiều hơn. Kết quả trả lời câu hỏi của đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của một số tác giả khác [3], [4].

V. KẾT LUẬN

Dòng đầu Nghiên cứu cho thấy 94,1% đối tượng hiểu biết nguyên nhân thừa cân béo phì; 54,5% đối tượng hiểu biết nguyên nhân thiếu năng lượng trường diễn. Cần tăng

cường công tác truyền thông, tư vấn dinh dưỡng và hậu quả của thiếu năng lượng trường diễn cho đối tượng phụ nữ tuổi sinh đẻ

Tài liệu tham khảo

1. Dekker LH, et al. Stunting associated with poor socioeconomic and maternal nutrition status and respiratory morbidity in Colombian schoolchildren. *Food and nutrition bulletin*. 2010;31(2):242-250.
2. Phạm Đức Hồng, Lê Thanh Tùng, Lê Thế Trung, Phạm Thị Dung, Phan Hương Dương. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ 18-49 tuổi tại 3 huyện ven biển, tỉnh Nam Định. *Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm*. 2023;19(1+2): 83-90.
3. Dương Trương Thị Thùy, Trang Trần Thị Huyền và Lê Thị Thanh Hoa. Thực trạng dinh dưỡng và kiến thức, thực hành dinh dưỡng hợp lý ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên năm 2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022; 517(1):158-163.
4. Lưu Thị Nhật Phương. Đánh giá nhận thức của phụ nữ quận ninh kiều thành phố cần thơ trong lứa tuổi sinh đẻ về dinh dưỡng hợp lý khi mang thai. *Tạp chí Y học thực hành*. 2012;830(7):52-55.
5. Trần Việt Nga, Lê Danh Tuyên, Phạm Vân Thúy và cộng sự (2021), Tình trạng thiếu năng lượng trường diễn và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại Vũ Thư, Thái Bình năm 2015, *Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm*. 2021;17(6):8-15.